

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025**

### BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng sư phạm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

#### *Nơi nhận:*

- Như Điều 3 (để th/h);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam (để b/c);
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Công thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, VP.

**BỘ TRƯỞNG**

  
**Nguyễn Kim Sơn**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**triển khai Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026**  
**thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển**  
**kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4743/QĐ-BGDĐT*  
*ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Triển khai Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động của Chính phủ), Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình hành động với những nội dung chủ yếu sau:

## **I. MỤC TIÊU CHUNG**

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; trọng tâm là hiện đại hóa, đa dạng hóa phương thức giáo dục và đào tạo theo hướng mở, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện theo hướng phát huy phẩm chất đạo đức, năng lực, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế, có kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, thu hút và trọng dụng nhân tài; thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm công bằng và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân, từng bước xây dựng xã hội học tập.

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Quán triệt và chỉ đạo toàn ngành Giáo dục tập trung tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Chương trình hành động của Chính phủ, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

2. Xác định các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của ngành Giáo dục để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính

phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 bảo đảm thiết thực, hiệu quả, khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn.

3. Làm căn cứ để cơ quan quản lý giáo dục các cấp, các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo đề ra tại Chương trình hành động của Chính phủ.

4. Bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp toàn ngành Giáo dục gắn với thực hiện đúng các quy định về phân cấp, phân quyền, nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện.

### **III. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG TRONG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

1. Quán triệt và triển khai đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời chuyển hướng sang “thích ứng linh hoạt, an toàn, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” trong trạng thái bình thường mới.

2. Tăng cường phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy năng lực sáng tạo, quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục gắn với chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

3. Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo phương châm lấy nhà trường làm nền tảng, nhà giáo là động lực, người học là trung tâm, tạo sự chuyển biến trong chất lượng giáo dục và đào tạo; chú trọng công tác chăm lo, phát triển đội ngũ nhà giáo.

4. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, phát triển các phương thức giáo dục hòa nhập, chuyên biệt, bán chuyên biệt và thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ cho người học.

5. Xây dựng xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

### **IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách về giáo dục và đào tạo bảo đảm đầy đủ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, hiện đại và hội nhập quốc tế; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định tại Luật Giáo dục 2019; kịp thời ban hành các văn bản quy định chi tiết luật và pháp lệnh; rà soát, bổ

sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo, chưa đầy đủ hoặc vướng mắc; nghiên cứu sửa đổi, thay thế các cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn để tháo gỡ những nút thắt, tạo thuận lợi cho giáo dục và đào tạo phát triển. Tham mưu để Chính phủ trình Quốc hội đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội Luật Nhà giáo, Luật Học tập suốt đời.

b) Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm đi đôi với kiểm tra, giám sát và nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; tạo sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của cấp dưới. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức bảo đảm chất lượng, hiệu quả, thực chất theo Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của Chính phủ và các kế hoạch triển khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Nâng cao chất lượng công tác thông tin, thống kê, phân tích, dự báo trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm trong giáo dục và đào tạo.

## **2. Chủ động, linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức thực hiện chương trình giáo dục; bảo đảm thực hiện mục tiêu kép, "thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19", vừa bảo đảm chất lượng giáo dục**

a) Chủ động, linh hoạt các phương án, kịch bản để kịp thời ứng phó với mọi tình huống diễn biến của dịch Covid-19; chuyển hướng chiến lược thực hiện đồng bộ công tác phòng, chống dịch theo phương châm "thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19", sẵn sàng áp dụng các biện pháp theo các cấp độ dịch để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên học tập; bảo đảm an toàn cho học sinh, sinh viên, giáo viên, đồng thời bảo đảm chất lượng giáo dục của từng cấp học, chương trình đào tạo, hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn của ngành Giáo dục; chuyển đổi, áp dụng các hình thức dạy học trực tiếp, trực tuyến hoặc trên truyền hình phù hợp với tình hình thực tiễn; tăng cường hiệu

quả công tác phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và các kênh truyền hình trong việc triển khai các giải pháp hỗ trợ dạy học trực tuyến và trên truyền hình.

b) Đổi mới chương trình, phương pháp giáo dục mầm non theo hướng phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng vào lớp 1; các cơ sở giáo dục mầm non tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng đảm bảo mục tiêu, kết quả mong đợi quy định tại chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với điều kiện và bối cảnh phòng, chống dịch Covid-19; định hướng việc chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp 1; phối hợp chặt chẽ với phụ huynh thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại nhà trong thời gian chưa đến trường do dịch bệnh và khi đến trường trở lại; tăng cường phổ biến kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, từng bước triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3, 4 tuổi.

c) Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 bảo đảm chất lượng và hiệu quả; đổi mới phương pháp dạy học và đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh, tạo điều kiện cho học sinh được tiếp cận khai thác các nguồn học liệu đa dạng, phong phú để phát triển năng lực tự học, phù hợp với khả năng và nhu cầu học sinh. Cùng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ.

d) Xây dựng và triển khai Khung chiến lược phát triển giáo dục đại học; phát triển chương trình giáo dục đại học theo định hướng chú trọng năng lực nghề nghiệp, tạo sự chuyển biến thực chất về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của thế giới; chú trọng các ngành khoa học mũi nhọn thuộc các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, các lĩnh vực khoa học cơ bản, nền tảng nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm nhu cầu nhân lực trước mắt cũng như cho yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

d) Triển khai có chất lượng và hiệu quả Chương trình Xóa mù chữ và Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông theo yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học; đa dạng hóa các chương trình giáo dục thường xuyên và phương thức học tập để phù hợp với mọi đối tượng người học; đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; tăng cường sự tham gia của các thiết chế văn hóa, giáo dục ngoài nhà trường và truyền thông đại chúng trong việc cung cấp cơ hội học tập suốt đời đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân.

e) Đổi mới phương thức thi, kiểm tra, đánh giá theo hướng hiện đại và tiếp cận chuẩn quốc tế, bảo đảm phản ánh khách quan, trung thực phẩm chất và năng lực của người học; tích cực tham gia các chương trình đánh giá chất lượng

giáo dục quốc tế đối với giáo dục phổ thông và khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học phấn đấu để lọt vào các bảng xếp hạng trường đại học có uy tín quốc tế.

g) Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm nghề nghiệp, kiến thức pháp luật, ý thức công dân và khát vọng cống hiến cho học sinh, sinh viên; chú trọng phát triển công tác xã hội và hỗ trợ tư vấn tâm lý cho học sinh, sinh viên trong trường học; đổi mới hình thức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tội phạm, ma túy, tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật cho học sinh, sinh viên.

h) Nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và chăm sóc sức khỏe học đường; tăng cường các kỹ năng hoạt động vận động thể lực thích ứng với điều kiện dịch bệnh và trạng thái bình thường mới, bảo đảm an toàn trường học cho học sinh, sinh viên.

i) Xây dựng và triển khai quy trình phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng cho học sinh, sinh viên; ưu tiên tuyển chọn các đối tượng tài năng đi đào tạo ở các nước tiên tiến.

k) Phát triển các phương thức giáo dục hòa nhập, chuyên biệt và bán chuyên biệt để đáp ứng quyền được học tập của người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật; bảo đảm quyền được học tập của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật Trẻ em và các quy định khác của pháp luật có liên quan một cách phù hợp và có chất lượng.

### **3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục**

a) Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; triển khai mô hình đào tạo giáo viên theo cơ chế đặt hàng; thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở bảo đảm phù hợp với thực trạng đội ngũ giáo viên và điều kiện của các cơ sở giáo dục, địa phương; đổi mới căn bản nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo theo hướng đa dạng hóa các loại hình bồi dưỡng, trong đó tăng cường năng lực tự bồi dưỡng và bồi dưỡng trực tuyến.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm; phát triển, thu hút các nhà khoa học trong và ngoài nước, người có trình độ tiến sĩ để làm giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học; tăng cường đội ngũ chuyên gia, đặc biệt là chuyên gia đầu ngành, các nhóm nghiên cứu mạnh trong các cơ sở giáo dục đại học.

c) Đổi mới cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng giáo viên theo hướng linh hoạt để các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bố trí đủ giáo viên theo quy

định; bảo đảm nguyên tắc “có học sinh thì có giáo viên”; giải quyết triệt để số lượng giáo viên thừa, thiếu cục bộ; có chính sách và chiến lược lâu dài về đãi ngộ, trọng dụng nhân tài; rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chế độ chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương mới cho nhà giáo.

d) Chủ động các giải pháp tăng cường hỗ trợ về cơ sở vật chất, thiết bị cho giáo viên phục vụ dạy học trực tuyến trong trường hợp dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài; hỗ trợ đời sống vật chất cho giảng viên, giáo viên, người lao động trong ngành Giáo dục bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhất là những người làm việc trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

#### **4. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh, ở các cấp học và trình độ đào tạo**

a) Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh, ở các cấp học và trình độ đào tạo; nâng cao tỷ lệ trẻ em mẫu giáo được tổ chức làm quen với tiếng Anh ở những nơi có nhu cầu và đủ điều kiện thực hiện; triển khai việc dạy và học ngoại ngữ theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tiếp tục hoàn thiện, triển khai chương trình ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành, nghề đào tạo, góp phần hỗ trợ sinh viên học và sử dụng ngoại ngữ bảo đảm yêu cầu, chất lượng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ khi tốt nghiệp đại học.

b) Phát triển đội ngũ giáo viên dạy ngoại ngữ đủ về số lượng và bảo đảm về chất lượng; tăng cường đào tạo giáo viên ngoại ngữ, bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ và năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học ngoại ngữ theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng hiệu quả thiết bị và phần mềm dạy học ngoại ngữ; phát triển các tài liệu, học liệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ.

c) Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá trong dạy học ngoại ngữ ở các cấp học và trình độ đào tạo, bảo đảm công tác kiểm tra, đánh giá được thực hiện chính xác, khách quan, công bằng và minh bạch, cung cấp thông tin hữu ích cho việc dạy và học ngoại ngữ được thực hiện hiệu quả.

d) Xây dựng phát triển môi trường học, sử dụng ngoại ngữ; tạo môi trường thuận lợi cho giáo viên và học sinh, sinh viên nâng cao năng lực ngoại ngữ, tự tin trong giao tiếp; tiếp tục phát động phong trào học tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

đ) Tăng cường quản lý chất lượng dạy và học ngoại ngữ; nghiên cứu mô hình quản lý chất lượng giáo dục phù hợp với dạy và học ngoại ngữ tại Việt Nam; đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ.

## **5. Tăng cường huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục**

a) Thu hút tối đa các nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đa dạng hóa hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; đẩy mạnh hợp tác công tư để huy động nguồn lực cho phát triển giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập phát triển nhanh, bền vững, đa dạng cả về quy mô và chất lượng.

b) Triển khai có hiệu quả Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025; tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; xây dựng và tích hợp các nội dung về đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục trong các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Tăng cường đầu tư cho các cơ sở giáo dục đại học, nhất là các trường đại học sư phạm và các cơ sở giáo dục đại học đi đầu trong đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; ưu tiên đầu tư phát triển các phòng thí nghiệm gắn với nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; đặc biệt trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, các lĩnh vực khoa học cơ bản, nền tảng. Tăng cường phân cấp, ủy quyền và giao quyền tự chủ về đầu tư cho các cơ sở giáo dục đại học.

d) Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, trong đó trọng tâm là các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú, trường dự bị đại học; các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo; đẩy mạnh phát triển trường, lớp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục cho con công nhân, con người lao động ở khu vực có khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư.

## **6. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học**

a) Phát triển nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý giáo dục; tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục.

b) Ưu tiên phát triển khoa học cơ bản, các ngành khoa học mũi nhọn; kết hợp giữa nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với giáo dục, đào tạo để tạo ra sản phẩm trí tuệ, sáng tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, các mô hình doanh nghiệp ở một số trường đại học.



c) Đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả đầu tư cho nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học; kết hợp giữa giáo dục, đào tạo và chuyển giao công nghệ, tạo ra sản phẩm trí tuệ, sáng tạo; thúc đẩy mạnh mẽ nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học.

d) Nâng cao khả năng thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học của các cơ sở giáo dục đại học; có chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp thành lập doanh nghiệp, hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; khẩn trương thành lập các Quỹ khởi nghiệp sáng tạo dành cho sinh viên.

### **7. Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo**

a) Tăng cường hội nhập quốc tế, chủ động mở rộng hợp tác song phương, đa phương; đẩy mạnh hợp tác với các nước có nền giáo dục tiên tiến, có chất lượng trên thế giới.

b) Tăng cường hợp tác và đầu tư với nước ngoài, có chính sách khuyến khích hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học từ các quốc gia phát triển hàng đầu; khuyến khích mở trường đại học hoặc phân hiệu của các cơ sở giáo dục đại học có uy tín của nước ngoài tại Việt Nam; ưu tiên phát triển các trường đại học xuất sắc, chất lượng quốc tế.

c) Khuyến khích hợp tác giữa các cơ sở giáo dục của Việt Nam và nước ngoài để tăng cường ký kết hợp tác về trao đổi học sinh, sinh viên và giảng viên, chia sẻ kinh nghiệm quản lý và hợp tác nghiên cứu khoa học; có chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài hợp tác nghiên cứu, đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Việt Nam.

d) Khuyến khích mở rộng và đẩy mạnh các quan hệ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu quốc tế; thu hút nguồn tài trợ quốc tế, chủ động tham gia mạng lưới nghiên cứu và trao đổi toàn cầu.

### **8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục**

a) Tăng cường chuyển đổi số trong quản trị, quản lý giáo dục; triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục toàn ngành, đồng bộ, kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo đến cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành Giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả.

b) Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học; triển khai một số nền tảng số dạy và học trực tuyến với các tính năng tiên tiến hỗ trợ học tập cá thể hóa và tăng cường trải nghiệm; tăng cường kiểm tra, thi trên máy tính và trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường và mạng IoT, thiết lập hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

c) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học; ứng dụng các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế đối với giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

d) Phát triển và triển khai nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến đại chúng mở, tăng cường công nhận tín chỉ các khóa học trực tuyến giữa các cơ sở đào tạo; thí điểm một số mô hình cơ sở đào tạo mới dựa trên công nghệ số và đổi mới sáng tạo; xây dựng một số trung tâm giáo dục, đào tạo và nghiên cứu xuất sắc về công nghệ theo hình thức hợp tác công - tư đối với giáo dục đại học.

đ) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, nâng cao năng lực số đối với người học, người dạy, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành Giáo dục.

e) Tăng cường các hoạt động hợp tác thông qua các chương trình phối hợp, cam kết hỗ trợ với các tổ chức, doanh nghiệp, hiệp hội về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; các sở giáo dục và đào tạo; các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm quán triệt và tăng cường công tác truyền thông các nội dung trong Chương trình hành động của Chính phủ, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện của từng địa phương, đơn vị, trong đó cụ thể hóa thành các nhiệm vụ hằng năm, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể; định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25 tháng 11 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

2. Kinh phí tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo được dự toán từ các nguồn: Ngân sách Nhà nước cho giáo dục hằng năm, ngân sách từ các chương trình mục tiêu quốc

gia, ngân sách từ các đề án, dự án có liên quan, từ nguồn thu của các cơ sở đào tạo, từ nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

3. Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch của các đơn vị, định kỳ báo cáo và kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết, bảo đảm Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo được thực hiện hiệu quả và đồng bộ; tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện hằng năm; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế, thủ trưởng các đơn vị báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định việc bổ sung hoặc điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp. /



## **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

### **PHỤ LỤC I**

#### **MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4187/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
1	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	35	Vụ GDMN
2	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	95	Vụ GDMN
3	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở:			Vụ GDTrH
3.1	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2)	số tỉnh	35	
3.2	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3)	số tỉnh	19	
4	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	30	Vụ GDĐH
5	Giảm tỷ lệ mù chữ giai đoạn 2021 - 2025	%	Dưới 1	Vụ GDTX
6	Tỷ lệ kiên cố hóa trường học từ mầm non tới trung học phổ thông	%	80	Cục CSVC
7	Chỉ số cải cách hành chính (Par-Index)	%	80	Vụ TCCB
8	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	%	85,52%	Vụ TCCB

*S. S. S.*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****PHỤ LỤC II****DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4783/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên nhiệm vụ	Hình thức văn bản	Thẩm quyền ban hành	Đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Căn cứ
1	Chiến lược phát triển giáo dục 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ KHTC, Viện KHGDVN	2022	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021
2	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐH, Viện KHGDVN	2022	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021
3	Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDTH, Viện KHGDVN	2022	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021
4	Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo (3 tuổi, 4 tuổi) và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDMN	2022	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021
5	Đề án hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2021 - 2025	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDMN	2022	Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 24/11/2021
6	Đề án nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDTH, Vụ GDTrH	2022	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021
7	Đề án xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐH	2022	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021
8	Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Cục CNTT	2022	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021

STT	Tên nhiệm vụ	Hình thức văn bản	Thẩm quyền ban hành	Đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Căn cứ
	đoạn 2021 - 2030					
9	Đề án hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 -2030	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Cục HTQT	2022	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021
10	Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2 (2021 - 2025 và lộ trình đến 2030)	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Cục CSVC	2022	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021
11	Đề án xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐH	2022	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021
12	Dự án tăng cường năng lực phòng, chống ma túy trong trường học đến năm 2025	Quyết định	Bộ trưởng	Vụ GDCT CTHSSV	2022	Quyết định số 1452/QĐ-TTg ngày 31/8/2021
13	Đề án phát triển hệ thống đánh giá định kỳ quốc gia, quốc tế nhằm tăng cường giám sát, nâng cao chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Cục QLCL	2022	Thỏa thuận đã cam kết với OECD (PISA, TALIS), CONFEMEN (PASEC) và SEAMEO (SEA PLM)

